TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC C XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Chinh;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đàm Thị Thanh Thủy;
Ông Nguyễn Đăng Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà - *Kiểm sát viên.*

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc: "Không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Vũ Thị N; sinh năm 1984; nơi thường trú: khu phố Đình, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Số 10, đường Guangfu, khu công nghiệp Gia Thái, Quá Câu Lý, thành phố Thái Bảo, quận Gia Nghĩa, Đài Loan, Trung Quốc; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: anh Đinh Văn D; sinh năm 1983; nơi cư trú: khu phố Đình, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Vũ Văn T; sinh năm 1947 và bà Phạm Thị V; sinh năm 1956; nơi cư trú: khu Hợp Thành, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị N trình bày:

Chị và anh Đinh Văn D tổ chức đám cưới và về chung sống cùng nhau từ ngày 20/11/2005 tại khu phố Đình, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị và anh D sống hạnh phúc đến khoảng năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm, chia sẻ. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải đến khoảng năm 2012 thì đoàn tụ. Từ tháng 8/2016, do khó khăn kinh tế nên chị và anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở Đài Loan, chị và anh D tiếp tục mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc đến năm 2019 thì anh D về Việt Nam, từ đó chị và anh D không liên lạc với nhau. Đến nay, chị N nhận thấy tình cảm dành cho anh D không còn nên đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Đinh Văn D.

Về con chung: chị và anh D có hai con chung là cháu Đinh Thị Minh P, sinh ngày 05/9/2006 và Đinh Vũ Khánh D, sinh ngày 08/6/2009. Hiện nay các cháu đang ở cùng với ông bà ngoại là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị V; nơi cư trú: khu Hợp Thành, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng: chị N không yêu cầu anh Đinh Văn D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: chị và anh D tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đinh Văn D thể hiện:

Anh và chị Vũ Thị N tìm hiểu và tổ chức đám cưới từ tháng 2/2005. Sau khi tổ chức đám cưới, anh và chị N sống tại khu phố Đình, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Năm 2016, anh chị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở Đài Loan, anh chị tiếp tục mâu thuẫn, đến năm 2019 thì anh D về Việt Nam, từ đó anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị N làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, anh D nhận thấy tình cảm dành cho chị N không còn nên đồng ý yêu cầu của chị N, đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị N.

Về con chung: anh và chị N có hai con chung là cháu Đinh Thị Minh P, sinh ngày 05/9/2006 và Đinh Vũ Khánh D, sinh ngày 08/6/2009. Hiện nay cháu Phượng đang ở cùng với ông bà ngoại là ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị V; nơi cư trú: khu Hợp Thành, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh còn cháu D thì ở cùng với anh D, thỉnh thoảng cháu D vẫn về ở cùng với ông bà ngoại. Anh mong muốn hai con chung được ở cùng với nhau nên anh đồng ý yêu cầu của chị N, đề nghị Tòa án

nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao hai con chung cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh và chị N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V trình bày: từ tháng 8/2016, chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên hai cháu Đinh Thị Minh P và Đinh Vũ Khánh D ở cùng với ông bà tại khu Hợp Thành, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Chị N vẫn thường xuyên gửi tiền về nuôi hai cháu. Nay chị N và anh D ly hôn, ông bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu anh D, chị N phải cấp dưỡng.

Theo Biên bản lấy lời khai của cháu Đinh Thị Minh P (sinh ngày 05/9/2006) và Đinh Vũ Khánh D (sinh ngày 08/6/2009) thể hiện: các cháu đều có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa sơ thẩm phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành đúng pháp luật. Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị N yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị N và anh Đinh Văn D. Về con chung: giao hai cháu Đinh Thị Minh P và Đinh Vũ Khánh D cho chị Vũ Thị N nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Trong thời gian chị N vắng mặt tại Việt Nam, tạm giao các cháu cho ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị V chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị N về Việt Nam, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị N và anh Đinh Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ khoảng năm 2005 tại khu phố Đình, phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, nhưng cho đến nay cũng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Từ tháng 8/2016, anh D và chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở Đài Loan, hai anh chị tiếp tục mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc đến năm 2019 thì anh D về Việt Nam, từ đó đến nay anh D và chị N không liên lạc với

nhau. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị N và anh Đinh Văn D.

[3] Về con chung: anh D và chị N có hai con chung là cháu Đinh Thị Minh P, sinh ngày 05/9/2006 và cháu Đinh Vũ Khánh D, sinh ngày 08/6/2009.

Xét thấy yêu cầu, quan điểm của chị N và anh D về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng của các cháu Đinh Thị Minh P và Đinh Vũ Khánh D. Hội đồng xét xử, chấp nhận giao các cháu Đinh Thị Minh P và Đinh Vũ Khánh D cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, hiện nay chị N đang ở nước ngoài nên cần phải tạm giao các cháu Phượng và Duy cho ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị N về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị N không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ vào: Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 122; khoản 2 Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào: khoản 7 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N.

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vũ Thị N và anh Đinh Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Đinh Thị Minh P, sinh ngày 05/9/2006 và cháu Đinh Vũ Khánh D, sinh ngày 08/6/2009 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Tạm giao các cháu Đinh Thị Minh P và Đinh Vũ Khánh D cho ông Vũ Văn T và bà Phạm Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi chị Vũ Thị N về Việt Nam.

Anh Đinh Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng các cháu Đinh Thị Minh P và Đinh Vũ Khánh D không ai được cản trở khi anh D thực hiện quyền này. Anh Đinh Văn D không được lạm dụng quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Hoặc nhận thấy chị Vũ Thị N không đủ điều kiện bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của con thì anh Đinh Văn D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0016071 ngày 18/11/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Anh Đinh Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Vũ Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trí Chinh